

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2017/DS-PT

Ngày: 09 – 8 - 2017

V/v “*Tranh chấp yêu cầu hủy hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Ông Nguyễn Duy Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2017/TLPT –DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2017/QĐPT-DS ngày 27/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965. Địa chỉ cư trú: Ô 2/80B, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người đại hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Bà Phan Thị K, sinh năm: 1964. Địa chỉ cư trú: Số 11, hẻm 1, đường Nguyễn Trãi, khu phố 4, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 04/4/2017). Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Vương Bạch Th, sinh năm: 1958. Vắng mặt.

2.2. Ông Huỳnh Tấn Tr, sinh năm: 1957. Vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Số 165/27, đường 3/2, Phường M, Quận N, Thành phố H. Cùng tạm trú: Ô 6/94, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh T

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Huỳnh Anh V, sinh năm: 1985.

Địa chỉ cư trú: Số 165/27, đường 3/2, Phường M, Quận N, Thành phố H. Cùng tạm trú: Ô 6/94, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh T. Có mặt.

3.2. Chị Bùi Thị Trúc A, sinh năm: 1989. Trú tại: Ô 6/81, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh T. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Bùi Thị Trúc A là anh Huỳnh Anh Vũ. (Theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 25/4/2017).

3.3. Chị Hà Thị Thùy T, sinh năm: 1973. Trú tại: Số 208, ấp H1, xã HT, huyện Th, tỉnh T

Người đại diện hợp pháp của chị Hà Thị Thùy T: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971. Trú tại: Số 6.01C, Lô C, chung cư S, phường Tr, Quận 12, Thành phố H. (theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 25/3/2017 và ngày 31/3/2017).
Tòa không triệu tập

4. Người kháng cáo: Anh Huỳnh Anh V – người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cùng bà Phan Thị K là người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày: Bà L yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Vương Bạch Th và ông Huỳnh Tấn Tr tặng cho anh Huỳnh Anh V (là con ruột của bà Th và ông Tr) được lập vào ngày 24/5/2013 tại Văn phòng công chứng ĐNthuộckhu phố L, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh T, đối với phần đất có diện tích 1.095,7m² thuộc thửa số 55, tờ bản đồ 48, đất tọa lạc tại: Ô 6, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh T Anh V đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Gò Dầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00167(CN) vào ngày 29/5/2013.

Lý do yêu cầu hủy: Ngày 06/02/2012 bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Th trả nợ. Ngày 11/01/2013 Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm và bà L có kháng cáo. Ngày 22/7/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm, tại Bản án số 150/2013/DS-PT buộc bà Th và ông Tr có nghĩa vụ trả cho bà L 100 chỉ vàng 24K (98%) và số tiền 293.348.500 đồng. Bà Th và ông Tr có tài sản mà không trả nợ cho bà L, lại đem tài sản của ông bà là quyền sử dụng đất có diện tích 1.095,7m² tặng cho con của ông bà là anh V, sau khi có bản án sơ thẩm là có dấu hiệu tẩu tán tài sản, để không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L, nên vi phạm Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC

ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự.

Bị đơn bà Vương Bạch Th, ông Huỳnh Tấn Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Anh V cùng trình bày: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà ông bà tặng cho anh V là có thật và không phải giả tạo nên không đồng ý tuyên bố vô hiệu theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, bà Th, ông Tr, anh V còn trình bày trên đất có 01 căn nhà được xây dựng vào năm 2012 với giá là 760.000.000 đồng, trong đó vợ chồng bà Th bỏ ra 360.000.000 đồng và anh V bỏ ra 400.000.000 đồng để xây dựng. Đến năm 2016 anh V có bỏ tiền ra xây dựng hàng rào cổng sắt có giá là 23.052.942 đồng. Nếu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì cả 3 đương sự cùng có yêu cầu là bà Th và ông Tr phải có nghĩa vụ trả lại cho anh V tiền giá trị 1.095,7 m² đất là 411.500.000 đồng, tiền bỏ ra xây nhà 452.812.000 đồng, xây hàng rào song sắt 23.052.942 đồng, tổng cộng là 887.364.942 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Trúc A, anh V trình bày: Chị A là vợ của anh và đang chung sống với anh cùng cha mẹ anh trong căn nhà mà cha mẹ anh đã ký tặng cho riêng anh. Chị A không có liên quan gì đến phần tài sản này. Ý kiến của anh về việc giải quyết vụ án cũng là ý kiến của chị A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Thùy T cùng người đại diện theo ủy quyền của chị T là chị Nguyễn Thị H trình bày: Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2015/DS-ST ngày 28/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 46/2015/QĐ-PT ngày 15/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì anh V có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 155.229.375 đồng.

Đến nay anh V mới trả cho chị T được khoảng 60.000.000 đồng, còn lại không trả nên chị T đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00167(CN) của anh Vũ để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh Vũ cho chị T. Chị T không đồng ý giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh V đã thế chấp.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đã xử:

Căn cứ Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 122, 124, 129, 134 và 689 Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Vương Bạch Thủy, ông Huỳnh Tấn Trường và anh Huỳnh Anh Vũ.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Vương Bạch Thủy và ông Huỳnh Tấn Trường với anh Huỳnh Anh Vũ được lập vào ngày 24/5/2013 tại Văn phòng công chứng ĐNthuộckhố phố L, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh T, đối với phần đất có diện tích 1.095,7m² thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại: Ô

6, khu phố Thanh Bình B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là vô hiệu.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00167(CN) được Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 29/5/2013 cho anh Huỳnh Anh Vũ đứng tên, đối với phần đất theo hợp đồng tặng cho đã được tuyên bố vô hiệu như trên, hiện chị T đang giữ đã được quyết định tại Bản án số 38/2015/DS-ST ngày 28/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Các bên đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vương Bạch Thủy và ông Huỳnh Tấn Trường đứng tên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Buộc bà Th và ông Tr có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền 261.232.148 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 10/5/2017 anh Huỳnh Anh V kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 yêu cầu Tòa Phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Vì hợp đồng tặng cho ngày 24/5/2013 giữa cha mẹ anh với anh là hợp pháp, anh đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/5/2013 và đã sử dụng đất được cho, yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận đúng, cho sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. Do hủy án nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do bà Vương Bạch Th, ông Huỳnh Tấn Tr có nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị L để mở đại lý phân bón không trả nên tháng 12/2012 bà L có đơn khởi kiện. Tháng 01/2013 Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử xác nhận bà Th, ông Tr có nợ. Sau khi xử án có kháng cáo, trong thời gian chờ kết quả xét xử phúc thẩm, ngày 24/5/2013 bà Th, ông Tr làm hợp đồng tặng cho diện tích 1.095,7m² đất do ông bà đứng tên cho con trai là Huỳnh Anh V, ngày 29/5/2013 anh V đã đứng tên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.095,7m². Đến tháng 7/2013 Bản án phúc thẩm số 150/2013/DS-PT xác định vợ chồng bà Th, ông Tr phải trả cho bà L 100 chỉ vàng 24k và số tiền 293.348.500 đồng nhưng không còn tài sản để thi hành, bà L yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho 1.095,7m² đất ngày 24/5/2013 giữa vợ chồng bà Th, ông Tr với anh V vì mục đích tẩu tán tài sản. Bà Th, ông Tr, anh V còn thống nhất khai: Năm 2012 xây nhà trên đất với giá 760.000.000 đồng trong đó vợ chồng bà Th, ông Tr bỏ ra 360.000.000 đồng, anh V bỏ ra 400.000.000 đồng. Năm 2016 anh V bỏ tiền xây thêm hàng rào giá 23.052.000 đồng. Tài sản hiện có: Giá trị 1.095,7m² là 411.510.000 đồng, nhà 452.812.000 đồng, công hàng rào 23.052.000 đồng, nhà cất trên đất chưa có giấy. Trước và sau khi cho diện tích 1.095,7m² ngày 24/5/2013 và hiện nay vợ chồng bà Th, ông Tr, vợ chồng anh V đều ở chung nhà trên diện tích 1.095,7m² đất.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, yêu cầu kháng cáo của anh V thấy rằng: Diện tích 1.095,7m² thuộc quyền sử dụng của bà Th, ông Tr theo giấy được cấp ngày 15/5/2005 đến ngày 24/5/2013 bà Th, ông Tr làm giấy cho anh V diện tích đất nêu trên, ngày 29/5/2013 anh V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng trước đó năm 2012 bà Th, ông Tr nợ bà L 100 chỉ vàng 24k và 293.348.500 đồng không trả, bà L phải khởi kiện, Tòa án buộc bà L phải trả nhưng không còn tài sản để thi hành. Bà L khởi kiện tháng 12/2012, đến tháng 01/2013 cấp sơ thẩm xử bà Th, ông Tr có nợ, án có kháng cáo. Trong khi chờ kết quả xử phúc thẩm thì bà Th, ông Tr đã làm thủ tục cho con trai là anh V phân đất ông bà đang ở. Chỉ 5 ngày sau khi tặng cho, anh V đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 7/2013 cấp phúc thẩm xử buộc vợ chồng bà Th, ông Tr có trách nhiệm trả nợ cho bà L 100 chỉ vàng 24k và 293.348.500 đồng, bản án có hiệu lực thi hành thì bà Th, ông Tr không còn tài sản để thi hành án cho bà L. Nên việc vợ chồng bà Th, ông Tr cho con trai 1.095,7m² đất là nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

[3] Ý thức không muốn trả nợ của bà Th, ông Tr còn thể hiện năm 2012 ông bỏ ra 360.000.000 đồng xây nhà trong khi nợ tiền bà L cũng năm 2012 cũng không chịu trả. Trước và sau khi cho đất anh V thì vợ chồng bà Th, ông Tr và vợ chồng anh V đều sống chung một nhà trên phần đất 1.095,7m². Do đó cấp sơ thẩm xác định hợp đồng tặng cho đất ngày 24/5/2013 giữa bà Th, ông Tr với anh V là giả tạo nhằm mục đích trốn tránh thi hành nợ vay theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự và Thông tư liên tịch số 14/2010 ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự là có căn cứ. Anh V kháng cáo yêu cầu chấp nhận việc cho đất vì đã nhận đất, đã đứng giấy đất là không có căn cứ, không được chấp nhận, giữ y án về phần này, không cần thiết hủy án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày tại Tòa.

[4] Nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1.095,7m², việc hùn tiền cất nhà chung anh V bỏ tiền, xây hàng rào, công là do bà Th, ông Tr, anh V khai tự khai ra. Hơn nữa, việc hùn tiền xây nhà đã thực hiện từ năm 2012, đất của bà Th, ông Tr đang đứng tên, nay hai bên tự khai là chưa đủ căn cứ. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết phần này, trước khi xử phúc

thẩm ngày 08/8/2017 anh V có đơn và tại phiên tòa hôm nay xin xét yêu cầu giải quyết tiền hùn xây nhà, xây hàng rào. Do không có yêu cầu nhưng cấp sơ thẩm giải quyết là vượt quá yêu cầu của đương sự nên hủy, đình chỉ quyết định của án sơ thẩm về phần này.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu” và không phát sinh yêu cầu bồi thường thiệt hại nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với Tr hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nên ông Tr, bà Th phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh V không được chấp nhận nên anh V phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 122, Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Anh V, hủy đình chỉ một phần án sơ thẩm số 11/2017 ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Vương Bạch Thủy, ông Huỳnh Tấn Trường và anh Huỳnh Anh Vũ.

2.1 Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Vương Bạch Thủy và ông Huỳnh Tấn Trường với anh Huỳnh Anh Vũ được lập vào ngày 24/5/2013 tại Văn phòng công chứng ĐN thuộc khu phố L, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh T, đối với phần đất có diện tích 1.095,7m² thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại: Ô 6, khu phố Thanh Bình B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là vô hiệu.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00167(CN) được Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 29/5/2013 cho anh Huỳnh Anh Vũ đứng tên, đối với phần đất theo hợp đồng tặng cho đã được tuyên bố vô hiệu như trên, hiện chị T đang giữ đã được quyết định tại Bản án số 38/2015/DS-ST ngày 28/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Các bên đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vương Bạch Thủy và ông Huỳnh Tấn Trường đứng tên theo quyết định của bản án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Hủy đình chỉ án sơ thẩm về phần buộc bà Th và ông Tr có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền 261.232.148 đồng.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Vương Bạch Th, ông Huỳnh Tấn Tr có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng bà L đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1 Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn Tr, bà Vương Bạch Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông bà Nguyễn Thị L 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 001113 ngày 27/6/2016.

5.2 Án phí Dân sự phúc thẩm:

Anh Huỳnh Anh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012088 ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trong Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.HGD;
- VKSND.TTN;
- Chi cục THADS.HGD;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Sơn